

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/03/2026**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi				Về				Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng			
1		PPD+PVD8	7:25	17+2	0+0			14+7	0+0		
2		RC6+RP1	7:25	7+14	0+0			4+16	0+0		
3		RC5+RP3	7:25	8+14	0+0			7+14	0+0		
4		VSP02	9:25	22	0			22	0		
5		P4+PPD	9:25	15+7	0+0			14+3	0+0		
6		RP3+RC4	9:25	17+5	0+0			17+5	0+0		
7		RP1+VSP02	11:25	12+8	0+0			9+11	0+0		
8		RP3+RCDM	11:25	15+7	0+0			14+8	0+0		
9		PPD+RC6+RC8	13:25	9+6+5	0+0+0			0+3+3	0+0+0		

TTĐBSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO: PPD - PVD8	CREW: LINH - NPHU - THU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/0962	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRAN NGUYEN TAN TAI	PPD	92	1	5			86	KHI	Vietnamese
2	HUYNH TAN THANH	PPD	82-83	2	12			69	KHI	Vietnamese
3	VU THANH BINH	PPD	87	1	5			80	KHI	Vietnamese
4	BUI THANH HAI	PPD	84	1	5			70	KHI	Vietnamese
5	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	94	1	4			76	KHI	Vietnamese
6	VÔ QUANG ĐẠT	PPD	91	1	4			67	KHI	Vietnamese
7	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	PPD	93	1	4			83	KHI	Vietnamese
8	ĐÀO ANH TUÂN	PPD	95	1	4			65	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD	98	1	5	2	30	74	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU LUẬN	PPD	90	1	6			70	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH KHOAN	PPD	89	1	7			85	KHI	Vietnamese
12	LÊ HUY VINH	PPD	97	1	5			62	KHI	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN ĐIỆP	PPD	85	1	7			67	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PPD	100	1	4			56	KHI	Vietnamese
15	CAO NAM QUY	PPD	88	1	3			65	KHI	Vietnamese
16	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	PPD	96	1	5			68	KHI	Vietnamese
17	ĐÀO VIỆT HÙNG	PPD	86	1	10			65	KHI	Vietnamese
18	HOANG VAN THANH	PVD8	06-07	2	17			63	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC THAI	PVD8	04-05	2	18	1	3	75	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	17	1.208	18	95	2	30	14		
2	PVD8	2	138	4	35	1	3	8		
TOTAL		19	1.346	22	130	3	33	22		
WEIGHT KG			1.346		130		33			

GRAND TOAL: 1.509 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỰC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGÔ VĂN LINH

ĐÀO NGỌC PHÚ





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: VANG-1	TO:RC6 - RP1	CREW: HUNG - TTRUNG - VU	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/0966	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN NGOC ANH TUAN	RC6				3	55	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN MANH TUE	RC6						67	KH-THAC	Vietnamese
3	DO VAN TUNG	RC6	74	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN GIAP TUAT	RC6	76	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC LINH	RC6	75	1	6			79	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN KIEM BAC	RC6	77	1	13			78	KH-THAC	Vietnamese
7	LE VAN TOAN	RC6	78-79	2	10			71	KH-THAC	Vietnamese
8	TSOPANNOV	RP1	38	1	10			96	KH-THAC	Russian
9	KOROGHLUYEV RAMIL	RP1	36-37	2	10			76	KH-THAC	Russian
10	LE DUC THIEN	RP1	45	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN QUANG TUNG	RP1						77	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN CONG TOAN	RP1	46	1	8			83	KH-THAC	Vietnamese
13	LUONG THE HAI	RP1	40	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
14	TAO QUANG NGAN	RP1	48-49	2	11			64	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG VAN TRUONG	RP1	34	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
16	PHUONG VAN MINH	RP1	47	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TAM	RP1	44	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
18	LE MANH HUNG	RP1	39	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
19	HUYNH VAN THUAN	RP1	42-43	2	15			67	KH-THAC	Vietnamese
20	LY XUAN TRUNG	RP1	41	1	5			65	YTE	Vietnamese
21	NGUYEN TRUONG GIANG	RP1	35	1	6			88	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC6	7	501	6	37	3	55	4		
2	RP1	14	1.056	16	102	0	0	16		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.557</b>	<b>22</b>	<b>139</b>	<b>3</b>	<b>55</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.557</b>		<b>139</b>		<b>55</b>			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

BUI THI HIEN LUONG

CREW

LÊ QUÝ HUNG

NGUYỄN THÀNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: TRANG-1	TO: RC5 - RP3	CREW: LHM - HUC - DUNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/0969	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	KURPASOV V.A	RC5	17	1	2	2	35	75	KH-THAC	Russian
2	TRINH VAN TIEN	RC5	16	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
3	TRINH PHUONG QUY	RC5	18	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
4	LE VAN TRUNG	RC5	20	1	8			80	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM HOANG TUNG	RC5	21-23	3	18			73	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐAO QUYẾT THẮNG	RC5	19	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
7	VÔ TẢ HOAN	RC5	25-26	2	17			69	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI TRUNG SON	RC5	24	1	9			65	PSV	Vietnamese
9	HOANG THANH HOA	RP3	74	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH TRUNG	RP3	72	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
11	VOEVODCHENKOV N.V.	RP3	67	1	5			101	KH-THAC	Russian
12	PHAM HUU THANG	RP3	73	1	8			87	KH-THAC	Vietnamese
13	MAI NGOC THIET	RP3	68	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM QUANG TRUNG	RP3						69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG TUAN	RP3						84	KHI	Vietnamese
16	TRINH QUANG HUY	RP3						71	KHI	Vietnamese
17	HA VAN THUY	RP3	65	1	4			65	KHI	Vietnamese
18	BUI VAN PHU	RP3	64	1	3			69	KHI	Vietnamese
19	HUYNH NGOC BICH	RP3	66	1	8			75	YTE	Vietnamese
20	NGUYEN THANH NAM	RP3	71	1	13			70	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỖ DUY TIÊN	RP3	75	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
22	LUONG QUANG THUONG	RP3	69-70	2	11			67	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC5	8	567	11	70	2	35	7		
2	RP3	14	1.048	12	78	0	0	15		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.615</b>	<b>23</b>	<b>148</b>	<b>2</b>	<b>35</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.615</b>		<b>148</b>		<b>35</b>			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

LƯU THANH HẢI  
HOÀNG ANH ĐỨC



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: VSP02	CREW: LINH - NPHÚ - THỤ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/0963	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐỖ QUANG HÙNG	VSP02	41-42	2	12			69	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH TRƯƠNG PHI	VSP02	54	1	10			73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGÔ ĐỨC CHU	VSP02	52	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	58	1	7			57	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ ĐỨC TRI	VSP02	43	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN GIA LONG	VSP02	47	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH DAN	VSP02	45	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THÀNH LÊ	VSP02	37	1	4			65	YTE	Vietnamese
9	TRẦN MINH TUẤN THỊNH	VSP02	50-51	2	7			97	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HOANG LONG	VSP02	46	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	53	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THUY	VSP02	56	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG NHẬT MINH	VSP02	48-49	2	9			81	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	38	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	55	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN QUANG HUNG	VSP02	59	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI MINH QUÂN	VSP02	60	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG NGỌC ĐÔNG	VSP02	39	1	10			81	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN MINH ĐỨC	VSP02	40	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HUY HOANG	VSP02	61	1	7			95	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	57	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
22	GURIN V.V.	VSP02	44	1	10			104	KH-THAC	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP02	22	1.630	25	150	0	0	22		
TOTAL		22	1.630	25	150	0	0	22		
WEIGHT KG			1.630		150		0			

GRAND TOAL: 1.780 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGÔ VĂN LINH

ĐÀO NGỌC PHÚ

# FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO: P4 - PPD	CREW: HUNG - TTRUNG - VŨ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/0967	

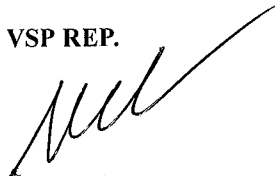
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRƯƠNG THANH GIAP	P4	83	1	5			66	KHI	Vietnamese
2	LUONG THANH VŨ	P4	84	1	5			81	KHI	Vietnamese
3	TRẦN DUY KHUÔNG	P4	81	1	8			92	KHI	Vietnamese
4	ĐỖ ĐỨC LONG	P4	85	1	3			60	KHI	Vietnamese
5	TRẦN VĂN PHÚC	P4	75	1	5			68	KHI	Vietnamese
6	TRỊNH XUÂN HUYỀN	P4	76	1	5			77	KHI	Vietnamese
7	ĐẶNG THẾ HUY	P4	72-73	2	19			75	KHI	Vietnamese
8	LÊ HUY CHƯỜNG	P4	74	1	8			60	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH GIAP	P4	79	1	5			73	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN ANH	P4	78	1	6			65	KHI	Vietnamese
11	PHẠM HỮU THỌ	P4	77	1	7			65	KHI	Vietnamese
12	HOÀNG THAI DƯƠNG	P4	82	1	3			75	KHI	Vietnamese
13	LÊ VĂN HƯƠNG	P4	86	1	6			60	KHI	Vietnamese
14	TẠ VĂN QUYNH	P4						73	KHI	Vietnamese
15	TRẦN TRUNG KIẾN	P4	80	1	3			76	PSV	Vietnamese
16	VŨ VĂN CHIẾN	PPD	79	1	5			71	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	75	1	6			60	KHI	Vietnamese
18	VŨ HOÀNG QUÂN	PPD	77-78	2	8			79	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HẢO	PPD	76	1	12			77	KHI	Vietnamese
20	ĐINH VĂN CƯỜNG	PPD	73-74	2	15			67	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	PPD	72	1	8			60	KHI	Vietnamese
22	HOÀNG MINH TRÍ	PPD	77	1	8			90	KHI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	15	1.066	15	88	0	0	14		
2	PPD	7	504	9	62	0	0	3		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.570</b>	<b>24</b>	<b>150</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>17</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.570</b>		<b>150</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.720 KGS

VSP REP.



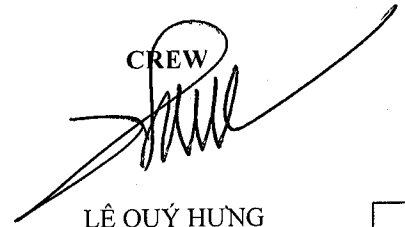
NGUYỄN THỤC HÀ

VNHS REP.



ĐINH THỊ HOA

CREW



LÊ QUÝ HUNG  
NGUYỄN THÀNH TRUNG





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:00
B.CARD: TRANG-2	TO:RP3 - RC4	CREW: LHM - HUC - DUNG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/0970	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHAN THANH CONG	RP3	02	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VAN HIEN	RP3	13	1	5			54	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TU HAI	RP3	01	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
4	LE DUC HUY	RP3	11	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM NGUYEN HAI DUONG	RP3			2			86	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG XUAN HUNG	RP3						69	KH-THAC	Vietnamese
7	TRUONG VAN THUONG	RP3	14	1	5			56	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN THANH HOAI	RP3	10	1	6			105	KH-THAC	Vietnamese
9	VU THANH LONG	RP3	08	1	9			89	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN ANH DUNG	RP3						70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DOAN THANH	RP3	04	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
12	LE NGOC ANH	RP3	06	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN CONG	RP3	05	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
14	LE DUC OANH	RP3						64	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DUC THANH	RP3	12	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM THE PHONG	RP3	03	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HUY	RP3	07	1	11			62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VIET THANH	RC4						72	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG VAN TUNG	RC4						80	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG MINH DUNG	RC4						76	KH-THAC	Vietnamese
21	LE HAI ANH	RC4	47-48	2	18			73	KH-THAC	Vietnamese
22	MAI VAN TUONG	RC4	49	1	4			64	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	17	1.187	13	78	0	0	17		
2	RC4	5	365	3	22	0	0	5		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.552</b>	<b>16</b>	<b>100</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.552</b>		<b>100</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.652 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

LUU THANH HAI  
HOANG ANH DUC



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: CAM-3	TO:RP1 - VSP02	CREW: QVIỆT - MTHAO - TÚ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/0964	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VŨ HỮU HA	RP1	90-91	2	11			67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN LỢI	RP1	89	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH NGỌC	RP1	82	1	4			105	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH HỒ	RP1	88	1	2			64	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ THANH DŨNG	RP1	84-85	2	10			86	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN BA QUY	RP1	86	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN THANH CÔNG	RP1						65	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN NGUYỄN XUÂN AN	RP1	81	1	11			70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN THUỘNG	RP1	87	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG PHƯƠNG NAM	RP1	78	1	10			74	NIPI	Vietnamese
11	ĐÀO HAI NAM	RP1	79	1	12	1	15	73	NIPI	Vietnamese
12	ĐÌNH QUỐC TRƯỜNG	RP1	83	1	5			77	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG TÂN	VSP02	68-69	2	19			88	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÌNH THẾ ANH	VSP02	70	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG CƯỜNG	VSP02	62	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN CHIẾN THANG	VSP02	73	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
17	IANDAN E. A.	VSP02	63-64	2	19			85	KH-THAC	Russian
18	ĐỖ VĂN PHŨ	VSP02	67	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ HAI NAM	VSP02	71-72	2	19			92	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN VĂN THUYỀN	VSP02	65-66	2	12			69	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	12	877	13	85	1	15	9		
2	VSP02	8	611	12	89	0	0	11		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.488</b>	<b>25</b>	<b>174</b>	<b>1</b>	<b>15</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.488</b>		<b>174</b>		<b>15</b>			

GRAND TOAL: 1.677 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỤC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

MAI VĂN THAO



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: VANG-3	TO:RP3 - RCDM	CREW: XHOÀN - N.CUÔNG - TOAN	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM26/0968	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	RP3	15	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ TRUNG KIẾN	RP3	22	1	8			81	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN CHỈNH THI	RP3	21	1	3			74	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN HOANG NAM	RP3						88	KHI	Vietnamese
5	LÊ HOANG ANH	RP3	18	1	6			65	KHI	Vietnamese
6	PHẠM VĂN THIẾT	RP3	17	1	5			63	KHI	Vietnamese
7	ĐUƠNG HỒNG QUẬN	RP3	16	1	6			71	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC CUÔNG	RP3	25	1	6			79	KHI	Vietnamese
9	LÊ HỮU ĐẠT	RP3	23	1	4			74	KHI	Vietnamese
10	LÊ XUÂN HIẾN	RP3	27	1	9			74	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC BẢO BÌNH	RP3						63	KHI	Vietnamese
12	LÊ DỤC VIỆT	RP3	24	1	5			71	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH TUYẾN	RP3	26	1	8			70	KHI	Vietnamese
14	PHẠM VĂN HUY	RP3	19	1	11			72	KHI	Vietnamese
15	HUYNH THẾ TÀI	RP3	20	1	7			64	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN DUY HÙNG	RCDM	64-65	2	18	1	13	72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN QUY	RCDM	58	1	14			83	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÌNH VĂN CÔNG	RCDM	67	1	7			85	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN TRỌNG HIỆU	RCDM	63	1	9			60	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ NGỌC DUNG	RCDM	62	1	10			58	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG VĂN HÙNG	RCDM	59-60	2	18			73	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VĂN HUÂN	RCDM	61	1	4			73	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	15	1.077	13	81	0	0	14		
2	RCDM	7	504	9	80	1	13	8		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.581</b>	<b>22</b>	<b>161</b>	<b>1</b>	<b>13</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.581</b>		<b>161</b>		<b>13</b>			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

PHAN NHƯ CƯỜNG





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
B.CARD: XANH-4	TO: PPD - RC6 - RC8	CREW: QVIỆT - MTHAO - TÚ	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM26/0965	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHẠM CÔNG THO	PPD	49	1	8			64	KHI	Vietnamese
2	PHẠM VĂN ĐẶNG	PPD	46	1	9			67	KHI	Vietnamese
3	BUI VĂN HA	PPD	47-48	2	11			67	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU AT	PPD	50	1	10			56	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN TÚ THÀNH	PPD	53	1	12			66	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN MẠNH	PPD	51-52	2	10			70	KHI	Vietnamese
7	NGO XUAN NGHIA	PPD	41	1	12			61	KHI	Vietnamese
8	NGO SY TRINH	PPD	42-43	2	14			56	KHI	Vietnamese
9	LUONG MINH KHUE	PPD	44-45	2	9			60	NIPI	Vietnamese
10	NGUYEN TIEN HUY	RC6	89	1	19			82	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUANG HUY	RC6	85-86	2	20			57	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN HOANG THONG	RC6	84	1	19			86	KH-THAC	Vietnamese
13	LE VAN NHAN	RC6	87-88	2	20			75	XAYLAP	Vietnamese
14	PHAM BA KHANH	RC6	83	1	14			75	PSV	Vietnamese
15	PHAM VAN AN	RC6	92	1	5	2	42	67	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN TIEN TUET	RC8	94	1	13			70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DUC ANH	RC8	85	1	15	1	10	95	ANTOAN	Vietnamese
18	VU QUANG TUYEN	RC8	09	1	10	1	15	105	KH-THAC	Vietnamese
19	TRANG NGOC HUNG	RC8	21	1	16	5	90	70	KH-THAC	Vietnamese
20	TO CONG TANH	RC8	08	1	5			64	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	9	567	13	95	0	0	1		
2	RC6	6	442	8	97	2	42	3		
3	RC8	5	404	5	59	7	115	3		THÁO 02 GHÊ CHỖ THỰC PHẨM
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.413</b>	<b>26</b>	<b>251</b>	<b>9</b>	<b>157</b>	<b>7</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.413</b>		<b>251</b>		<b>157</b>			

GRAND TOAL: 1.821 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

MAI VĂN THAO